Những đứa trẻ của nông trường bò

NHỮNG ĐỨA TRẺ CỦA NÔNG TRƯỜNG BÒ
Bản quyền tiếng Việt © Nguyễn Bảo Toàn, 2026

Không phần nào trong xuất bản phẩm này được phép sao chép hay phát hành dưới bất kỳ hình thức hoặc phương tiện nào mà không có sự cho phép trước bằng văn bản của tác giả. Chúng tôi luôn mong muốn nhận được những ý kiến đóng góp của quý vị độc giả để sách ngày càng hoàn thiện hơn.

NGUYỄN BẢO TOÀN

Những đứa trẻ của nông trường bò

NHÀ XUẤT BẢN
PHỤ NỮ VIỆT NAM

Mục lục

Lời mở đầu **7**

PHẦN 1: XÓM NHỎ GIỮA ĐẠI NGÀN

Xóm tôi ngày ấy 11

Mái nhà tranh cũ 17

Sau cơn bão 22

Bóng cây cổ thụ 26

PHẦN 2: LỚN LÊN CÙNG VỚI ĐÀN BÒ

Tuổi thơ cùng đàn bò 32

Tiếng kẻng trong đêm 38

Mùa mía năm đó 47

Ngày xóm có xe máy 56

PHẦN 3: NHỮNG NGƯỜI THƯƠNG

Hai ngày Tết 66

Chuyến xe đò bốn tiếng 72

Quê hương ba 77
Ông Hai 85
Đêm soi ếch 91
Buổi cúng năm ấy 98

PHẦN 4: LŨ TRẺ RONG CHƠI

Con chó nhà thằng Long 104
Xe đòn dông 112
Lan chèo xuồng 119
Thuyền trưởng 126
Tập làm người lớn 133
Viên pháo Đại tướng quân 141
Cái hồ cá 148
Nhà nó chuyển đi 153

PHẦN 5: NHỮNG NĂM THÁNG ĐẾN TRƯỜNG

Những bước chân đến trường 164
Bàn cuối lớp 173
Thầy giám thị và cây dùi trống 180
Tiếng ru của ma 189
Bí mật sau hàng phượng 196

Đêm ở sân trường 201
Mười hai đứa chúng tôi 207

PHẦN 6: BÊN KIA TUỔI THƠ

Mùa lao động năm ấy 215
Làm rẫy hay làm bài 226
Bên cầu Cà Tung 234
Một nửa ở lại 242
Ngày rời xa 251

Giới thiệu tác giả 259

Lời mở đầu

Những đứa trẻ của nông trường bò là tập truyện ngắn gồm 30 truyện, tái hiện tuổi thơ của những đứa trẻ lớn lên tại một nông trường bò ở Tây Nguyên vào cuối những năm 1980 và đầu những năm 1990. Dưới góc nhìn của nhân vật "tôi", tác phẩm đưa người đọc trở về một miền ký ức mộc mạc, nơi tuổi thơ gắn liền với những mái nhà tranh, đàn bò, ruộng mía, con đường đất đỏ, tiếng kẻng gọi đàn trong đêm, những trò chơi dân dã và tình làng nghĩa xóm chân chất.

Tập truyện được sắp xếp thành sáu phần theo hành trình trưởng thành của nhân vật. Mở đầu là bức tranh về xóm nhỏ giữa đại ngàn - nơi những gia đình từ nhiều vùng quê đến lập nghiệp, cùng nhau gây dựng cuộc sống giữa vùng đất mới. Tiếp đó là những năm tháng lớn lên cùng lao động, khi lũ trẻ vừa đến trường vừa chăn bò, làm rẫy, phụ giúp gia đình và dần học cách sẻ chia trách nhiệm.

Bên cạnh những ký ức về lao động là thế giới đầy ắp tình yêu thương của gia đình, quê hương và những con người bình dị. Những ngày Tết nghèo nhưng đầm ấm, chuyến xe đò về quê, hình ảnh người cha, người ông và những người thân âm thầm hy sinh đã trở thành nền tảng nuôi dưỡng tâm hồn tụi trẻ. Xen giữa đó là những trò nghịch ngợm, những cuộc phiêu lưu trong xóm nhỏ và những kỷ niệm học trò hồn nhiên, vừa vui nhộn vừa chất chứa những bài học đầu đời.

Càng về cuối tập truyện, nhịp kể càng trở nên lắng đọng hơn. Những mùa lao động, những lựa chọn đầu tiên giữa việc học và cuộc sống, những cuộc chia tay bạn bè, những đổi thay của quê hương và ngày rời xa tuổi thơ đánh dấu bước chuyển từ thế giới vô tư của trẻ nhỏ sang hành trình trưởng thành. Không có những biến cố lớn hay những nhân vật phi thường, mỗi câu chuyện là một lát cắt bình dị của đời sống, góp phần khắc họa hành trình lớn lên bằng lao động, tình thân, tình bạn và ký ức.

Những đứa trẻ của nông trường bò là một tập truyện ngắn được xây dựng độc lập nhưng liên kết chặt chẽ về không gian, thời gian và cảm xúc, tạo nên một chỉnh thể thống nhất. Qua chất liệu đời sống được chắt lọc và hư cấu nghệ thuật, tác phẩm hướng đến những giá trị phổ quát về tuổi thơ, gia đình, quê hương và sự trưởng thành.

Thông qua tập truyện, tác giả mong muốn lưu giữ ký ức về một giai đoạn đặc biệt của những gia đình công nhân nông trường ở Tây Nguyên - nơi nhiều người đã rời quê hương để bắt đầu cuộc sống mới, và cũng là nơi biết bao đứa trẻ đã lớn lên giữa thiên nhiên, lao động và tình người. Đồng thời, tác phẩm gửi đến độc giả hôm nay một lời nhắc nhẹ nhàng rằng, dù thời gian có trôi qua, những ký ức tuổi thơ và những người đã đồng hành cùng ta trong những năm tháng đầu đời luôn là phần đẹp đẽ nhất trong hành trang của mỗi con người.

Với giọng kể dung dị, giàu hình ảnh và cảm xúc, *Những đứa trẻ của nông trường bò* hướng đến bạn đọc yêu văn học, đặc biệt là những người từng có tuổi thơ ở nông thôn, những người xa quê, cũng như thế hệ trẻ muốn tìm hiểu về một thời tuổi thơ gắn với thiên nhiên, lao động và cộng đồng. Tác phẩm không chỉ khơi gợi hoài niệm mà còn đề cao những giá trị bền vững của tình thân, lòng biết ơn và niềm tin vào sức mạnh nuôi dưỡng của ký ức.

PHẦN 1

XÓM NHỎ GIỮA ĐẠI NGÀN

Xóm tôi ngày ấy

Ngày ấy, tôi lớn lên trong một xóm nhỏ nằm nép mình bên rìa nông trường bò, chung quanh chỉ có những triền đồi nối nhau đến tận chân trời, cỏ dại xanh rì theo mùa mưa, còn những đàn bò thì lặng lẽ cúi đầu gặm cỏ trên sườn dốc. Dãy chuồng bò chạy thẳng tắp, dài hun hút, mỗi khi gió thổi lại mang theo mùi cỏ khô, mùi đất ẩm và mùi bò quen thuộc, thứ mùi đã ngấm vào tuổi thơ tôi đến mức chỉ cần thoảng qua cũng đủ gọi cả một quãng đời trở về.

Xóm tôi nằm cách nông trường không xa. Những mái nhà tranh thưa thớt bám theo triền đồi nhấp nhô, bé nhỏ như những chiếc nấm lọt thỏm giữa màu xanh ngút ngàn của những vườn mía. Con đường đất ngoằn ngoèo ôm lấy sườn đồi rồi tỏa về từng căn nhà. Mùa nắng, mỗi bước chân đều kéo theo một vệt bụi đỏ. Mùa mưa, con đường hóa thành lớp bùn nhão dính chặt vào dép. Tuổi thơ của chúng tôi cũng bắt đầu từ con đường ấy. Khi đó, tôi đâu biết rồi sẽ có ngày chính con đường ấy tiễn từng đứa bạn, rồi tiễn cả tôi rời khỏi xóm nhỏ.

Buổi sáng, cả xóm thường vắng tanh. Những mái nhà khép cửa, chỉ còn vài con chó nằm dài ngoài ngõ, lim dim dưới nắng sớm thay chủ giữ nhà. Xa xa, từ phía nông trường, tiếng gọi bò trầm đục vọng qua các quả đồi rồi tan vào gió.

Ba má tôi, cũng như hầu hết người lớn trong xóm, đi làm từ sáng sớm đến tận chiều mới tan ca. Đến trưa, lũ học trò chúng tôi lục tục kéo nhau từ trường về, mỗi đứa tự mở nồi cơm nguội, tìm chút thức ăn còn lại rồi ăn vội cho no bụng. Người duy nhất ở nhà khi ấy là bác Ba trưởng xóm. Bác là thương binh nên không đi làm nông trường được nữa. Ngày nào bác cũng đi một vòng quanh xóm, vừa ngó chừng nhà cửa, vừa để mắt đến lũ trẻ.

Có đứa bị té rách đầu gối, bị trầy xước vì leo cây, chỉ cần chạy đến gọi, bác hỏi ngay:

- Đâu, để bác xem!

Rồi bác xách chiếc túi thuốc nhỏ đi theo ngay. Trong ký ức của tôi, hình ảnh chiếc túi thuốc cũ đung đưa bên hông bác luôn gắn với cảm giác yên tâm của cả xóm.

Ăn cơm xong là tiếng gọi nhau í ới vang khắp con đường đất. Chẳng cần hẹn trước, chỉ một tiếng gọi cũng đủ để cả bọn từ các ngả chạy ùa ra. Xóm đông trẻ con đến nỗi chiều nào con đường cũng rộn ràng tiếng chân, tiếng cười và tiếng cãi nhau chí chóe.

Nhóm chúng tôi có chừng mười đứa cùng trang lứa. Đứa nào tóc cũng hoe vàng vì nắng, đầu gối đầy sẹo, quần áo chằng chịt vết vá.

Chiều xuống, khi mặt trời chạm gần đỉnh núi phía tây, cuộc chơi tự khắc kết thúc. Đứa nào cũng vội vã trở về phụ việc nhà.

Việc đầu tiên là đi gánh nước.

Cả xóm chỉ có một chiếc giếng lớn dùng chung. Những chiều cuối tuần, nơi ấy đông như một cái chợ nhỏ. Người lớn giặt quần áo, tắm cho con, vừa làm vừa chuyện trò rôm rả.

Ngày thường thì yên tĩnh hơn. Chỉ có lũ trẻ chúng tôi rồng rắn nối nhau gánh nước về nhà. Đứa nào cũng mồ hôi nhễ nhại, áo dính sát vào lưng. Chúng tôi đặt đôi quang gánh xuống, cúi đầu uống ngay nước trong thùng rồi cùng ngửa mặt cười:

- Mát quá!

Có lần tôi trượt chân vì đoạn đường trơn, cả thùng nước đổ ào xuống đất. Tôi chỉ biết đứng nhìn rồi tặc lưỡi, chuẩn bị quay lại giếng gánh chuyến khác. Má từng bị trật chân khi đi gánh nước buổi tối. Vì vậy hôm ấy tôi chỉ nghĩ đến việc phải gánh cho đầy lu. Nhưng Nam, Khoan, Sáng và con Ly đều bảo:

- Thôi khỏi, để tao sang cho.

Mỗi đứa múc sang thùng của tôi một ít nước. Gom lại vừa đủ một gánh. Hồi ấy, chúng tôi chẳng ai nghĩ đó là điều đáng nhớ. Chỉ một việc nhỏ như thế mà mấy chục năm sau, trong buổi họp lớp, con Ly vẫn còn nhớ và nhắc lại.

Gánh nước xong, con đường đất trước nhà yên ắng lạ thường. Đứa nào cũng về nhóm bếp, nấu cơm, quét nhà rồi ngóng ba má tan ca.

Có những hôm mọi việc đã xong mà ba má vẫn chưa về. Mấy anh em tôi lại kéo ghế ngồi trước ngõ, mắt dõi mãi lên con đường từ nông trường dẫn về xóm. Bóng tối chầm chậm tràn xuống con đường đất. Nhiều lần bác Ba đi đến, khẽ lay vai tôi:

- Vào nhà bác đợi đi con, ngồi đây muỗi cắn.

Thỉnh thoảng từ xa vọng lại tiếng cú kêu: "Cú... cú... cú...". Mỗi lần như thế, mấy anh em lại vô thức ngồi xích gần nhau hơn.

Thằng em kế khẽ nói:

- Em đếm ngôi sao kia chớp hơn một trăm lần rồi mà má chưa về.

Bất chợt, dưới ánh chiều nhập nhoạng, bóng má hiện ra cuối con đường. Anh em tôi chẳng ai bảo ai, cùng lao đến ôm chầm lấy má. Người má nồng mùi mồ hôi quyện với mùi phân bò từ nông trường, chiếc nón lá lệch sang một bên, lưng áo ướt đẫm.

Má cũng dang tay ôm hết mấy anh em vào lòng, bàn tay chai sần lần lượt vuốt từ lưng xuống vai, rồi lên mái tóc.

Lần nào má cũng hỏi cùng một câu:

- Chờ má lâu hông?

Rồi lại mỉm cười:

- Tụi con ở nhà có ngoan không?

Đêm xuống rất nhanh.

Con đường trước nhà không còn tiếng người qua lại. Những ngọn đèn dầu le lói sau ô cửa nhỏ. Thỉnh thoảng, nhà nào mở chiếc radio chạy pin, cả xóm cùng nghe vọng sang những câu vọng cổ hay bản tin tối. Tôi thường rúc vào lòng má, ê a đánh vần:

"O tròn như quả trứng gà, ô thì đội mũ, ơ thì thêm râu..."

Tiếng đọc non nớt hòa vào tiếng đêm, chuẩn bị cho ngày tôi bước vào lớp Một.

Có lần mưa lớn từ sáng sớm, rồi cứ vậy tí tách cho tới chiều. Chờ má đến thật tối mà chưa thấy dáng má đâu. Anh em tôi lo lắng dắt díu qua nhà bác Ba. Bác Ba cứ đi ra ngõ nhìn mãi. Nước ngoài suối lên rất nhanh. Người lớn bảo cầu Cà Tung chắc ngập rồi. Con đường về xóm chắc đã bị chia cắt. Bác khoác áo mưa sang hỏi từng nhà rồi trở về, giọng chùng xuống:

- Người trong ca làm đã về hết...

Nghe vậy, tim tôi như thắt lại. Bác gái lấy cơm cho mấy anh em tôi nhưng miệng đứa nào cũng chực khóc.

Ba tôi trực ca, sáng hôm sau mới về. Bác Ba rít một hơi thuốc rê thật dài, dụi xuống nền đất rồi đứng dậy định sang gọi hàng xóm đi tìm.

Đúng lúc ấy, cánh cửa mở ra, má bước vào, người má ướt sũng.

Mấy anh em òa khóc, chạy đến ôm chặt lấy má. Má ôm chúng tôi vào lòng, khẽ nói:

- Má về rồi.

Hồi nhỏ, tôi cứ nghĩ mình đợi má mỗi chiều.

Lớn lên mới biết, má mới là người đã dành cả tuổi trẻ để đợi chúng tôi lớn.

Sau này tôi đi qua rất nhiều con đường.

Nhưng chưa có con đường nào khiến tôi đứng lại lâu như con đường đất dẫn từ nông trường về xóm nhỏ năm ấy.

Mái nhà tranh cũ

Nhà tôi là một căn nhà tranh nhỏ nằm nép bên con đường đất, tựa lưng vào triền đồi thoai thoải. Nhà chỉ có một gian lớn vừa để tiếp khách, vừa làm chỗ ngủ, vừa đặt bàn thờ tổ tiên. Phía sau là một buồng nhỏ, còn dưới thấp là căn bếp. Căn nhà đơn sơ đến mức gió có thể lùa qua từng khe cửa, len qua những vách đất, mang theo mùi rơm khô và đất ẩm. Ban ngày ánh nắng len qua những kẽ hở thành những vệt sáng mỏng, còn ban đêm cả căn nhà chìm trong bóng tối dịu mát của mùi rơm và khói bếp.

Những tối trời oi, ba mang chiếc giường xếp bằng vải bố ra giữa sân. Cả nhà nằm ngửa nhìn bầu trời đầy sao, đón từng cơn gió từ sườn đồi thổi xuống. Một lát sau, ba ôm cây ghi-ta ra, ngồi chỉnh từng sợi dây, đánh dạo vài tiếng rồi cất giọng hát. Tiếng ba trầm, dày và ấm. Má ngồi bên cạnh, nhịp chân khe khẽ một lúc rồi cũng cất tiếng theo. Giọng má trong và cao, quấn lấy tiếng đàn của ba, tan vào màn đêm yên tĩnh.

Tôi nằm im nghe tiếng đàn, tiếng hát, tiếng côn trùng rả rích ngoài vườn. Lần nào cũng thế, chưa nghe hết một

bài tôi đã ngủ quên, để rồi nửa đêm má lại nhẹ nhàng bế tôi vào trong nhà.

Có đoạn ba má thường hát mà đến giờ tôi vẫn còn thuộc:

"Một nong tằm là năm nong kén,

Một nong kén là chín nén tơ,

Thương em, thương em chín đợi mười chờ..."

Những đêm trăng sáng, vừa nghe tiếng đàn của ba, bác Ba trưởng xóm lại xách bình trà nóng với lon đậu phộng rang sang góp vui. Bác vừa uống trà vừa hát. Có lúc hát xong, bác ngồi lặng rất lâu. Ba lặng lẽ gảy thêm vài hợp âm. Bác Ba khẽ nói:

- Tao nhớ đồng đội quá...

Không ai nói thêm gì nữa, chỉ còn tiếng đàn, tiếng gió, tiếng dế và đôi khi vọng lại tiếng bò gọi nhau từ nông trường xa tắp. Căn nhà cũ ấy dường như cất giữ những đêm bình yên nhất của tuổi thơ tôi.

Mỗi mùa mưa về, mái tranh bắt đầu dột. Má mang thau, nồi, chậu đặt khắp nhà hứng nước. Suốt đêm, tiếng nước rơi tong... tong... vang lên ở đủ mọi góc.

Ba lại lặng lẽ kéo chiếc giường dịch sang góc còn khô. Mấy anh em tôi co tròn, rúc cả vào nách ba để tránh cái lạnh len qua mái tranh. Thấy mình bé đến lạ, cả người chỉ vừa nằm gọn trong khuỷu tay ba.

Trời còn chưa sáng hẳn, má đã nhóm bếp. Khói bếp len qua mái tranh rồi tan vào màn sương sớm. Mùi cơm mới, mùi cá khô nướng và mùi củi cháy đánh thức cả căn nhà.

Có hôm tôi thức giấc sớm, lần xuống bếp ngồi cạnh má, chìa hai bàn tay hơ trên ngọn lửa bập bùng. Má cởi chiếc khăn đang quàng trên cổ mình, nhẹ nhàng quấn sang cổ tôi rồi hỏi:

- Sao không ngủ thêm chút nữa con?

Nồi cơm ngày ấy lúc nào cũng độn thêm khoai mì hoặc khoai lang. Ba má chỉ lặng lẽ gắp khoai vào chén mình, còn phần cơm trắng dành cho mấy anh em.

Có lần tôi hỏi:

- Sao má thích ăn khoai vậy?

Má chỉ cười, lại gắp thêm một miếng khoai nữa.

Lúc ấy tôi thật sự tin rằng má thích ăn khoai hơn ăn cơm. Sau này lớn lên… tôi mới hiểu.

Kế bên sân là vườn rau nhỏ xanh mơn mởn. Những luống cải, hành, ngò và rau muống ngày nào cũng được ba tưới nước. Tôi thường xách chiếc rổ nhỏ đi theo. Ba bảo cắt vài bụi cải mang vào cho má nấu canh. Có một lần, ba không cho cắt nữa. Rồi những cây cải lớn dần, trổ đầy hoa vàng. Từ ngoài đường nhìn vào, căn nhà tranh như chìm giữa một biển hoa. Hôm ấy đã cận Tết. Ba chống cuốc đứng ngắm khu vườn rất lâu rồi cười:

- Nhà mình có cả vườn hoa rồi. Tết này khỏi mua hoa, để dành tiền mua áo mới.

Một buổi trưa, má cùng mấy anh em tôi đang nằm võng thì bỗng nhìn thấy một con rắn lớn quấn trên thanh rui mè. Ba bật dậy, lao ra sân lấy cây sào rồi bước vào nhà. Má ôm chặt mấy anh em tôi ngồi nép ngoài sân, không ai nói một lời, chỉ nghe tiếng cây sào gõ lên mái nhà. Sau lần ấy, tôi để ý hễ có chuyện gì bất an, má luôn dang rộng vòng tay ôm chầm mấy anh em tôi vào lòng che chở.

Khi lớn lên, tôi không nhớ con rắn lớn đến đâu. Điều tôi nhớ nhất là vòng tay má hôm ấy.

Đến năm tôi vào lớp Một, đời sống trong xóm dần khá hơn nhờ những vụ mía được mùa. Những mái tranh lần lượt được tháo xuống, thay bằng những căn nhà gạch ngói kiên cố.

Ba má tôi cũng dựng được một ngôi nhà mới.

Chiếc mái tranh được gỡ xuống từng tấm. Tôi đứng nhìn mà cứ ngỡ mình đang chia tay một người thân.

Ngày dọn nhà, má cười suốt cả buổi. Tôi cũng vui vì từ nay không còn sợ mái dột mỗi mùa mưa, không còn thấp thỏm mỗi lần nghe tiếng động trên mái nhà.

Mái nhà tranh cũ của tôi nằm bên con đường đất đỏ trước cửa. Nơi có tiếng đàn của ba, tiếng má hát theo trong

đêm, mùi khói bếp quyện với mùi rơm khô và cả một tuổi thơ nghèo mà đầy ắp yêu thương. Hồi ấy tôi đâu biết, rồi sẽ có ngày chính con đường đó sẽ đưa mình đi rất xa.

Sau cơn bão

Năm nào mùa mưa dầm nơi ấy cũng mưa rả rích từ ngày này sang ngày khác, từng giọt từ mái tranh rơi xuống chiếc lu trước hiên tỏng... tỏng... như chiếc đồng hồ của núi rừng.

Năm ấy, một cơn bão lớn kéo đến. Má nhìn ra vườn mía rồi khẽ nói với ba:

- Tui lo cho vườn mía sắp thu hoạch quá.

Gió nổi lên từng cơn, giật mạnh mái tranh. Mưa quất trắng trời. Mái tranh rung lên như muốn bật khỏi vách.

Mấy anh em tôi quấn chăn ngồi co ro trên giường, nép sát vào ba má. Tiếng gió rít qua mái nghe như có ai đang cố nhấc cả căn nhà lên khỏi mặt đất.

Ba má ngồi im lặng. Không ai nói gì, chỉ nghe tiếng gió giật từng hồi trên mái tranh.

Mỗi tiếng "rắc" ngoài sân đều khiến cả nhà giật mình. Ba lại bước ra, hé cửa nhìn vào màn mưa đặc quánh. Rồi một tiếng sét nổ chát chúa. Cả căn nhà rung lên. Con chó

cụp đuôi chui tọt xuống gầm giường. Một lúc sau, ba khép cửa lại, khẽ nói:

- Sét đánh trúng cây cổ thụ rồi... trên ngọn đang cháy.

Tôi chưa từng nghĩ có ngày cây cổ thụ cũng có thể ngã.

Tờ mờ sáng hôm sau, bão tan. Ba cầm đèn pin đi một vòng quanh vườn. Con đường trước nhà bị sạt lở. Giàn mướp đang trổ hoa ngã rạp. Mấy cây đu đủ bật gốc. Vườn mía nằm ép sát xuống đất. Ba vội bước ra vườn, dựng từng gốc mía. Cây vừa dựng lên lại đổ, ba dựng tiếp. Sau đó ba lặng lẽ dựng lại giàn mướp, chống từng gốc đu đủ, mãi lúc sau mới vào ăn sáng.

Má vẫn nấu cơm sáng như mọi ngày. Má còn gắp cho anh em tôi những miếng cá ngon nhất.

Đến khi mấy anh em đi chơi, tôi vô tình quay lại, thấy ba và má vẫn ngồi trước mâm cơm.

Hai cái chén gần như còn nguyên. Ba chỉ ngồi lặng nhìn xuống mâm cơm. Má cũng không gắp thêm miếng nào.

Ba cầm đôi đũa rất lâu mà không gắp. Má nhìn ra ngoài vườn, nơi những hàng mía vẫn còn nằm rạp sau bão.

Ngày ấy tôi không hiểu vì sao. Mãi sau này mới biết, vụ mía năm đó của má chỉ còn thu được phân nửa.

Tôi với mấy đứa bạn lượm những trái ổi non rụng đầy gốc rồi chia nhau ăn. Đứa nào cũng cười vì được "ăn miễn

phí". Chỉ có người lớn chẳng ai nhặt lấy một trái. Họ cứ đứng nhìn về những vườn mía ngoài triền đồi. Ngày ấy, chúng tôi chỉ thấy những trái ổi. Người lớn thì thấy cả một mùa mía đã mất.

Sau bão, con đường vào nông trường bị cây ngã chắn kín. Chỗ bị sạt lở còn ngập nước nên người lớn nghỉ làm, trẻ con cũng nghỉ học.

Ngay từ giữa sáng, căn bếp nhà tôi đã đỏ lửa. Mấy bác, mấy cô trong xóm đội nón lá còn ướt nước mưa sang tụ họp. Người xay bột, người nạo dừa, người gói bánh. Ngoài hiên, mấy chú, mấy bác ngồi quanh ấm trà. Lũ trẻ chúng tôi thì chờ bánh chín, đứa tranh nhau vét bột còn dính trong thau, đứa ôm chiếc bánh nóng hổi vừa thổi vừa ăn. Chạy một lúc mệt quá, cả bọn lại nằm chen chúc thành một đống trên giường ở góc nhà tôi ngủ ngon lành giữa tiếng người lớn chuyện trò.

Đến xế chiều, mùi bánh mới theo khói bếp lan khắp cả xóm. Những mái tranh còn loang nước mưa lại bắt đầu có làn khói mỏng bay lên. Nhìn từ trên triền đồi xuống, khói bếp nối nhau thành từng vệt mờ giữa màu xanh sau bão. Không hiểu sao, tôi luôn có cảm giác chỉ cần còn khói bếp bay lên, xóm nhỏ ấy sẽ lại bình yên như chưa từng có cơn giông nào đi qua.

Ít lâu sau, vườn mía lại xanh.

Tiếng trẻ con lại rộn trên con đường đất.

Chiều xuống, khói bếp vẫn bay lên từ những mái tranh như chưa từng có cơn giông nào đi qua.

Chỉ nhiều năm sau, khi tự mình lo toan cho một gia đình, tôi mới hiểu: điều mạnh mẽ nhất sau một cơn bão không phải là những cây còn đứng vững, mà là những con người lặng lẽ đứng dậy và bắt đầu lại tất cả.

Bóng cây cổ thụ

Trong xóm có một cây cổ thụ rất lớn, cách nhà tôi chừng một quãng. Cây đứng ở góc ngã ba, nơi con đường rẽ lên núi Đá rồi dẫn thẳng ra bìa rừng. Thân cây xù xì, tán lá xòe rộng. Dưới gốc cỏ mọc um tùm, cạnh đó là một ụ mối cao vượt đầu người. Vì thế, với lũ trẻ chúng tôi, đó là vùng đất cấm, chẳng đứa nào dám bén mảng tới.

Mỗi tối sau bữa cơm, mấy anh em tôi ngồi vào bàn học. Đêm trên nông trường yên tĩnh đến lạ. Tiếng dế rỉ rả dưới bụi cỏ, tiếng côn trùng và đôi khi cả tiếng thú rừng vọng về từ phía bìa rừng nghe rõ mồn một. Con đường đất trước nhà hiếm khi có người qua lại. Chính trong những khoảng lặng ấy, tâm trí tôi lại thơ thẩn nghĩ về cây cổ thụ ở ngã ba.

Mùa mưa năm nào cây cũng hứng sét. Có khi một cành lớn gãy răng rắc rồi nằm phơi mình dưới gốc. Có khi thân cây cháy âm ỉ, khói bốc lên nhiều ngày mới tắt. Thế nhưng chỉ cần vài trận mưa, từ những cành cháy sém lại nhú ra những chồi non xanh mướt, như thể cái cây chưa từng biết đến sự gục ngã.

Người lớn bảo trong cây có ma lạc. Đứa trẻ nào trưa đứng bóng còn lang thang quanh đó sẽ bị ma dẫn đi mãi, không tìm được đường về. Khi kiệt sức, ma sẽ nhét đầy phân bò vào miệng, rồi giấu vào những bụi gai rậm rạp.

Chúng tôi tin như tin mặt trời mọc mỗi sáng.

Mỗi lần đi ngang gốc cây, đứa nào cũng vô thức nín thở, rảo bước thật nhanh. Không ai dám ngẩng đầu nhìn thẳng vào thân cây. Còn giữa trưa, dù có đem kẹo ra dụ, cũng chẳng đứa nào dám trốn ngủ để lang thang đến đó.

Có lẽ vì quanh xóm tôi khi ấy vẫn còn quá nhiều dấu tích chiến tranh.

Ngay dưới gốc cây cổ thụ và trên ụ mối vẫn còn lăn lóc vài chiếc mũ sắt hoen gỉ của lính ngày trước. Phía đối diện, bên kia bìa xóm, thuộc khu vực núi ông Vui, người ta còn thấy cả giày, bình ghi-đông, vỏ đạn, xích xe tăng, thậm chí cả những mẩu xương người. Khu ấy được rào kẽm gai và cấm vào, nhưng vẫn có người lén chui qua để nhặt sắt vụn đem bán. Thỉnh thoảng lại nghe tin có người giẫm phải mìn, mãi mãi không trở về.

Bởi vậy, với lũ trẻ chúng tôi, cây cổ thụ ấy dường như nhất định phải có ma.

Rồi một ngày mưa, anh Ngọc trong xóm bỗng mất tích. Người ta chỉ tìm thấy chiếc áo của anh nằm bên khe suối.

Thế là cả xóm xôn xao. Có người quả quyết anh bị ma ở gốc cây cổ thụ bắt đi, vì chỉ mấy hôm trước anh vừa phát sạch cỏ dưới gốc cây. Người khác lại bảo anh buồn vì không đủ tiền cưới vợ nên bỏ xứ. Cũng có người đoán anh bị nước lũ cuốn mất.

Không ai biết điều gì đã xảy ra.

Chỉ biết từ sau ngày anh mất tích, cái khe suối không còn tiếng cười của trẻ con nữa. Trưa đi học về, chẳng đứa nào dám nán lại rửa chân hay nghịch nước. Chúng tôi đều tin rằng đâu đó giữa dòng nước lặng lẽ nhỏ xíu ấy, hồn anh Ngọc vẫn còn quanh quẩn, cùng với bóng cây cổ thụ vẫn ngày ngày đứng lặng ở ngã ba.

Một đêm trăng già, má sai tôi sang quán tạp hóa ở xóm bên mua dầu lửa.

Muốn sang đó phải qua con dốc ông Vui, con dốc cao nhất xóm. Từ đỉnh dốc có thể nhìn thấy cây cổ thụ ở ngã ba sừng sững giữa nền trời. Chỉ nghĩ đến điều ấy thôi là tim tôi đã đập thình thịch. Tôi không sợ phải đi qua con dốc, mà sợ ngẩng đầu lên sẽ bắt gặp cái cây. Với tôi ngày ấy, đó là cái cây không nên đến gần, cũng không nên nhìn thấy.

Tôi cúi gằm mặt, bước thật nhanh.

Vừa đặt chân lên tới đỉnh dốc, một bóng người bất ngờ hiện ra ngay trước mặt.

Trên đầu người ấy là một quầng sáng trắng hắt lên, loang rộng trong màn đêm, dài đến gần cả mét.

Tôi chết sững.

Rồi một tiếng hét bật ra khỏi cổ họng.

Tôi quay đầu cắm cổ chạy, vừa khóc vừa chạy một mạch về đến nhà, tim đập dồn dập như muốn vỡ lồng ngực.

Đêm đó, nằm trong mền mà tôi vẫn không sao chợp mắt nổi. Tôi cứ nghĩ mãi: con ma ấy từ gốc cây cổ thụ đi theo lên dốc ông Vui, hay nó vốn đã đứng chờ ở đó từ trước?

Sáng hôm sau, vừa đến giờ ra chơi, tôi định kể cho cả bọn nghe chuyện mình gặp ma thì thằng Khoan đã nhanh hơn.

Nó đứng giữa đám bạn, thao thao kể rằng tối qua cũng ở đỉnh dốc ông Vui, nó vác chiếc lốp xe đạp của ba đem ra tiệm vá. Đang đi thì bỗng thấy một luồng sáng trắng chói lòa từ phía cây cổ thụ hắt thẳng vào mắt. Ngay sau đó là tiếng hét thất thanh: "Cứu... cứu... cứu..." khiến nó hoảng quá, ôm chiếc lốp bỏ chạy.

Cả đám học trò nghe đến đó đều há hốc miệng. Đứa nào cũng quả quyết ma ở cây cổ thụ đã lên tận dốc ông Vui để dọa người.

Chỉ riêng tôi ngồi im.

Từng lời Khoan kể khiến trong đầu tôi hiện lên một ý nghĩ rất lạ. Tối hôm qua... có lẽ hai đứa chúng tôi đã gặp nhau.

Nó nhìn thấy dáng của tôi dưới ánh trăng rồi tưởng là ma. Còn tôi nhìn thấy quầng sáng phản chiếu từ chiếc lốp xe nó đang vác mà cũng tưởng là ma.

Nó nghe tiếng tôi hét rồi cắm đầu bỏ chạy. Còn tôi nghe tiếng nó chạy cũng càng tin mình vừa gặp ma thật.

Tôi chợt thấy mọi chuyện dường như có thể giải thích được. Nhưng nhìn đám bạn đang gật gù, mắt đứa nào cũng đầy vẻ tin tưởng, tôi chỉ im lặng gật đầu theo.

Chuyện gặp ma của thằng Khoan nhanh chóng trở thành câu chuyện chung của cả bọn.

Còn chuyện của tôi, tôi giữ kín cho riêng mình.

Nhiều năm sau, tôi mới hiểu, những điều lũ trẻ tưởng tượng thường làm chúng tin là thật nhất.

Khi tôi trở lại nơi ấy, cây đã không còn. Nhưng trong ký ức của những đứa trẻ năm xưa, nó vẫn đứng đó, trên con đường đất, che mát cả một quãng tuổi thơ chúng tôi.

PHẦN 2

LỚN LÊN CÙNG VỚI ĐÀN BÒ

Tuổi thơ cùng đàn bò

Có người lớn lên giữa cánh đồng lúa. Có người lớn lên bên sông nước. Còn tuổi thơ của tôi lại lớn lên giữa những đàn bò.

Ở cái xóm nhỏ nằm trong nông trường ấy, mở cửa là thấy bò, đi học gặp bò, chiều về lại nghe tiếng chuông leng keng theo đàn bò từ các triền đồi trở về. Không khí lúc nào cũng phảng phất mùi cỏ tươi, mùi phân bò và mùi đất đỏ sau những cơn mưa. Đến tận bây giờ, chỉ cần bắt gặp một đàn bò thong thả gặm cỏ trên sườn đồi, cả tuổi thơ ấy lại lặng lẽ hiện về.

Bò nhà tôi đều là giống bò lai, con nào cũng to sừng sững. Mỗi lần đi qua cổng, chúng phải cúi đầu mới lọt. Trong đàn có một con bò đực giống đặc biệt. Ai đi ngang cũng dừng lại nhìn rồi chặc lưỡi:

- Con bò to thật!

Nó vừa được nhập về nông trường từ nước ngoài rồi giao cho ba tôi chăm sóc.

Khẩu phần của nó cũng khác những con bò khác. Nó chỉ ăn cỏ tươi, củ mì, rất ít khi ăn cỏ khô. Điều khiến tôi ngạc nhiên nhất là nó thích ăn trứng gà sống. Mỗi lần ba đập một quả trứng đưa tới miệng, nó chỉ khẽ ngẩng đầu rồi hút gọn quả trứng. Đứng cạnh, tôi há hốc miệng nhìn, mãi không hiểu nổi vì sao một con bò lại thích ăn trứng.

Đám bò ấy vốn là tài sản nông trường giao cho các hộ nuôi, chứ chẳng nhà nào đủ tiền mua. Chúng ít khi chịu cho lũ trẻ cưỡi lên lưng, nhưng lại rất thích được gãi lên trán hoặc bắt ve ở tai. Mỗi lần như vậy, chúng đứng im, lim dim mắt, thỉnh thoảng khẽ lắc đầu, trông như đang tận hưởng.

Mùa xuân năm ấy, con bò cái đầu đàn trở dạ.

Nó khó sinh, cứ đứng lên rồi nằm xuống, húc vào thành chuồng, thở dồn dập. Ba đi vắng. Má gọi tôi chạy tới phụ.

Lần đầu tiên trong đời, tôi được chứng kiến một con vật sinh con.

Má hướng dẫn gì, tôi làm nấy. Lau nước, lấy rơm,... Sau gần nửa giờ vật lộn, con bê cũng cất tiếng kêu đầu tiên.

Một con bê đực đỏ au.

Nó run run chống bốn chân, vừa đứng lên đã ngã chúi xuống lớp rơm.

Rồi nó loạng choạng, chật vật tìm bầu sữa. Con bò mẹ cúi xuống, chậm rãi liếm khắp mình con như muốn

lau sạch những giọt nước cuối cùng còn bám trên lớp lông đỏ thẫm.

Má thở phào, xoa đầu tôi:

- Con đặt tên cho nó đi.

Tôi nhìn con bê hồi lâu rồi đáp:

- Hay gọi là Đực Đỏ má ha.

Má cười hiền.

- Từ nay nó là của con đó. Nhớ chăm nó nghe.

Từ hôm ấy, Đực Đỏ trở thành người bạn nhỏ của tôi. Mỗi buổi tan học, việc đầu tiên tôi làm là chạy ngay ra chuồng xem nó đang nằm hay đang nghịch.

Ban đầu, chuồng bò chỉ là một khoảng đất được ba quây bằng những hàng cọc gỗ ở hông nhà, không mái che, nhưng rộng đủ để đàn bò đi lại và những con bê con chạy nhảy.

Ít lâu sau, ba dựng một chuồng bò mới rộng gần bằng nửa căn nhà, có máng cỏ và máng nước xây bằng xi măng.

Tôi còn năn nỉ ba dành cho Đực Đỏ một góc chuồng khô ráo ngay sát máng cỏ để chiều nào cũng dễ chạy vào cho nó ăn.

Chẳng bao lâu, mỗi lần nghe tiếng dép tôi lẹp xẹp ngoài sân, Đực Đỏ đều ngẩng đầu tìm. Có hôm nó còn chạy lạch bạch tới dụi đầu vào người tôi như đòi thêm cỏ.

Chiều nào đàn bò cũng nối nhau đi trên con đường đất dẫn lên những đồi thông cuối xóm. Chúng tôi cầm những cành cây nhỏ chạy lon ton theo sau, coi mình cũng là một phần của đàn bò.

Người lớn ngồi chuyện trò, mắt vẫn dõi theo đàn bò. Còn lũ trẻ chúng tôi thì tản khắp bìa rừng. Đứa hái sim, đứa tìm tổ chim, đứa hì hục tát nước bắt cá.

Mệt rồi, cả đám nằm dài trên bãi cỏ. Đứa bứt cỏ gà nghịch, đứa nhấm mấy mầm cỏ non có vị ngọt dịu. Mắt nhìn lên trời, những cụm mây trắng lững lờ cũng giống như một đàn bò khác đang gặm cỏ trên cao.

Một lát sau, Đực Đỏ lại lững thững đến nằm cạnh chúng tôi.

Có hôm tôi ngủ quên trên bãi cỏ. Lúc mở mắt, nó đã nằm bên cạnh từ lúc nào, chậm rãi nhai cỏ.

Ra khỏi xóm một quãng là bìa rừng.

Ở đó có hổ.

Người lớn nhiều lần nhìn thấy dấu chân hổ in bên bờ suối. Những chiều đứng gió, từ dãy núi phía tây còn vọng lại tiếng gầm xa xa khiến ai cũng lạnh sống lưng.

Rồi điều mọi người lo nhất cũng xảy ra.

Ban đêm, hổ vào tận trại bò của nông trường tha bê con. Khi tìm được xác, chỉ còn lại phần xương và bộ da.

Trong xóm, ai cũng thấp thỏm. Người lớn sợ hổ sẽ tìm đến chuồng bò trong nhà. Còn tôi chỉ sợ Đực Đỏ bị bắt mất.

Đêm nào nghe tiếng chó sủa dồn dập, tôi cũng vội chui tọt vào chăn. Biết rằng nếu hổ vào thật thì tấm chăn chẳng thể che chở được gì, nhưng ngày ấy trùm kín đầu vẫn là cách duy nhất khiến tôi thấy yên tâm hơn.

Có đêm, ba cầm đèn pin, tay xách cây rựa đứng sát cửa. Má kéo tụi tôi ngồi nép vào góc nhà. Không ai nói một câu. Chỉ đợi tiếng chó ngớt mới dám bước ra đếm lại đàn bò.

Ba bảo đó là chiếc răng của con hổ vừa sập bẫy. Tôi cầm mãi trong tay. Từ hôm ấy, đêm đến tôi không còn sợ như trước.

Trong xóm, cuộc sống trở lại bình thường.

Chỉ có ba tôi thì giữ luôn một thói quen đến tận nhiều năm sau: đêm nào cũng cầm đèn pin ra chuồng, lặng lẽ đếm từng con bò.

Đực Đỏ lớn rất nhanh.

Lúc một tuổi, nó đã cao lớn và đẹp nhất đàn. Cũng chỉ mình nó chịu để tôi ngồi lên lưng.

Một buổi trưa tôi đang phụ ba cho bò ăn, ba chậm rãi nói:

- Đực Đỏ lớn rồi. Chắc sắp chuyển đi nơi khác để làm giống.

Tôi im lặng. Lời muốn nói mắc lại trong cổ họng suốt nhiều ngày sau. Tôi chỉ mong ngày ấy đến thật chậm.

Nhưng nó vẫn đến.

Chiều hôm đó tan học, tôi chạy ào ra chuồng như mọi hôm.

Chỗ Đực Đỏ đứng chỉ còn sợi dây buộc vẫn đung đưa trước máng cỏ. Tôi đứng lặng rất lâu. Ban đầu còn ngỡ ai dắt nó đi ăn cỏ. Rồi chợt nhớ lời ba.

Tôi mím chặt môi.

Đó là lần đầu tiên tôi hiểu rằng có những cuộc chia tay đến quá lặng lẽ, để mình không kịp nói một lời tạm biệt. Sau lần con Đực Đỏ rời đi năm đó, cho đến bây giờ, mỗi lần nhìn thấy một đàn bò thong thả gặm cỏ trên triền đồi, tôi lại thấy cả tuổi thơ mình hiện về.

Trong ký ức ấy, Đực Đỏ vẫn lững thững bước đến, nằm xuống bên cạnh tôi dưới nắng chiều, khẽ lắc đôi tai, bình yên như chưa từng có ngày phải rời đi.

Mỗi buổi chiều, đàn bò vẫn nối nhau đi trên con đường đất đỏ dẫn về xóm. Chúng tôi ngày ấy cũng lớn lên trên chính con đường ấy, bước theo sau đàn bò. Bây giờ nhiều bãi cỏ đã thành nhà cửa, đàn bò cũng không còn nữa. Chỉ có con đường trong ký ức vẫn còn đó, và trên con đường ấy, Đực Đỏ vẫn đang lững thững bước về giữa một buổi chiều không bao giờ cũ.

Tiếng kẻng trong đêm

Mấy năm liền nuôi bò thuận lợi, cuộc sống trong xóm dần khấm khá. Nhà này mua được chiếc xe máy, nhà kia sắm cái cát-xét. Người từ nơi khác cũng tìm đến lập nghiệp. Xóm nhỏ ngày nào đông vui hơn, nhưng cũng từ đó, những chuyện chẳng ai mong bắt đầu xuất hiện.

Ban đầu chỉ vài trái mít, trái thơm biến mất. Rồi đến gà, vịt, xe đạp, máy bơm nước. Nhà nào cũng bắt đầu khóa cổng từ khi trời vừa nhá nhem.

Điều khiến người lớn lo nhất lại là ở các xóm bên liên tiếp xảy ra những vụ mất bò.

Đáng sợ là chẳng ai biết bò biến mất bằng cách nào. Không dấu chân. Không tiếng động. Chỉ sáng hôm sau mở cửa chuồng là thấy trống không. Có người bảo bò đi lạc rồi bị hổ vồ. Có người quả quyết là có bọn trộm chuyên nghiệp. Nhưng dù nguyên nhân là gì, những gia đình làm mất bò đều phải đền cho nông trường một khoản tiền rất lớn. Với người lớn trong xóm, mất một con bò nhiều khi

đồng nghĩa với mất cả vốn liếng, mất tiền học của con, mất luôn chỗ dựa của cả gia đình.

Người lớn trong xóm nhiều lần ngồi lại bàn cách giữ bò, nhưng vẫn chưa nghĩ ra cách nào thật sự yên tâm.

Rồi một đêm, nhà chú Tám, sát bên nhà tôi, mất một con bò mẹ. Cả xóm chia nhau đi tìm suốt mấy ngày. Đến khi có người đi lấy măng kể đã nhìn thấy bộ xương bò bên khe suối sát bìa rừng, chú Tám, ba tôi và mấy người nữa vội chạy đến.

Đúng là con bò của chú. Chiếc sừng bị mẻ vẫn còn nguyên. Nhưng ngoài bộ xương trắng và vài mảnh da sót lại, chẳng còn gì để biết chuyện gì đã xảy ra.

Tối hôm ấy, ngồi bên ấm trà, chú Tám buồn rầu nói:

- Mất một con bò... cũng như mất cả chiếc xe máy.

Ba tôi chậm rãi đáp:

- Nếu là trộm thì rồi sẽ còn mất nữa. Còn nếu hổ quay lại... thì không chỉ mất bò.

Câu nói bỏ lửng. Không ai nói thêm. Chỉ còn khói thuốc lặng lẽ bay lên trong ánh đèn vàng.

Không ai ngờ, chỉ ít lâu sau, đến lượt nhà tôi. Không phải mất một con. Mà mất cả đàn.

Nửa đêm, như mọi hôm, ba ra chuồng bỏ thêm cỏ. Vừa mở cửa chuồng, ba đứng sững. Chuồng bò trống trơn.

Tiếng ba gọi thất thanh làm cả nhà bật dậy. Chưa kịp xỏ dép, ba đã chạy sang gõ cửa từng nhà hàng xóm để phụ tìm. Nhưng cơn mưa lớn vừa tạnh trước đó đã xóa sạch mọi dấu chân. Mặt đất chỉ còn một màu bùn nhão.

Ngày thường, chỉ cần trời tối là tôi đã sợ ma, sợ rừng, sợ cả tiếng hổ vọng từ phía núi. Nhưng đêm ấy, tôi chẳng còn nhớ mình sợ gì nữa. Tôi lần lượt đi qua những sườn đồi, bãi cỏ, rừng thông... những nơi đàn bò vẫn thường gặm cỏ mỗi chiều. Đến gần sáng vẫn không thấy gì, tôi đành quay về.

Về đến nhà, chuồng bò vẫn trống không. Má ngồi sụp xuống trước cổng chuồng. Hàng xóm lần lượt quay về, ai cũng lắc đầu. Không ai mang theo một tin vui.

Lúc trời vừa hửng sáng, bác Ba trưởng xóm khẽ nói:

- Chắc phải lên báo với nông trường thôi...

Nghe đến đó, má như mất hết sức lực. Tiếng má khẽ như nói với chính mình:

- Chắc nhà mình hết rồi...

Khoảng sân bỗng im phăng phắc, chỉ còn tiếng chim tu hú vọng từ phía rừng xa. Một cơn gió thổi qua chuồng bò trống, tiếng dây buộc va vào máng cỏ nghe lẻng kẻng.

Đúng lúc ấy, có người bỗng chỉ tay về cuối con đường.

- Hình như... bò!

Mọi người cùng đứng bật dậy. Xa xa chỉ là vài chấm đen nhỏ. Rồi những chấm đen ấy lớn dần.

Có người reo lên:

- Đúng rồi! Bò về!

Má nắm chặt tay tôi, hai má con cùng chạy.

Đàn bò lững thững bước về trên con đường đất như chưa từng có chuyện gì xảy ra.

Má vừa đi vừa đếm.

Một con.

Hai con.

Ba con...

Đến con cuối cùng, má đưa tay lau vội nước mắt rồi mới khẽ thở ra.

Ba không nói gì.

Ông chỉ đưa tay vuốt nhẹ lên cổ con bò đầu đàn rồi lặng lẽ đặt bó cỏ vào máng.

Hôm ấy tôi mới hiểu, đàn bò không chỉ là những con vật tôi vẫn theo ra đồng mỗi chiều. Chúng là cả gia tài của gia đình. Là tiền học của mấy anh em. Là những bữa cơm có thêm con cá, miếng thịt. Là mái nhà. Là hy vọng của cả gia đình.

Từ sau đêm ấy, chẳng nhà nào còn dám ngủ yên.

Bác Ba trưởng xóm bàn với mọi người treo một chiếc mâm ô tô cũ lên cây dầu đầu dốc.

Ông bảo:

- Có chuyện gì thì đánh kẻng. Nghe tiếng là cả xóm cùng chạy ra.

Rồi một đêm, tiếng kẻng bất ngờ nổ vang.

Keng!...

Keng!... Keng!...

Âm thanh chát chúa xé toạc màn đêm, dội từ đầu dốc xuống từng mái nhà. Cả xóm như cùng choàng tỉnh.

Ba chộp lấy cây rựa. Tôi quơ chiếc đèn pin rồi gọi con Mực, con Nâu lao theo.

Con đường đất đỏ bỗng rực lên bởi ánh đèn pin, ánh đuốc. Người từ các ngả hối hả chạy về đầu dốc. Có nhà đã tới, có nhà còn tất tả phía sau.

Bác Ba chỉ nói rất nhanh:

- Nhà ông Tứ mất bò. Chú Tiến vừa thấy hai người dắt bò về hướng con suối. Đi ngay!

Ông Tứ đứng cạnh bác Ba, gương mặt tái đi vì lo lắng. Còn chú Tiến thì tựa vào cây dầu, hơi men vẫn còn phả ra theo từng câu nói.

Không ai nói thêm lời nào, cả xóm ào xuống con suối. Mấy con chó săn hăng hái dẫn đầu, trong đó có hai con chó Mực và Nâu của tôi.

Những người khỏe chân đã vượt lên trước. Ánh đuốc của họ chỉ còn lập lòe trên đỉnh dốc. Tôi gắng chạy theo nhưng dần tụt lại phía sau, cổ họng khô rát, mồ hôi ướt đẫm lưng áo.

Khi đến con suối, không ai thấy gì cả, mọi thứ yên tĩnh. Mọi người tản ra hai phía, hươ đuốc dò tìm dọc theo bìa suối nhưng cũng không thấy vết tích gì.

Bầy chó bỗng sủa rộ lên. Tiếng con Mực của tôi nổi bật nhất. Mọi người lập tức ùa tới. Dưới một bụi cỏ lau ven suối, con bò đứng im, bị cột vào một cành cây. Ông Tứ lội bì bõm lao tới, rọi đèn pin lên mình nó rồi reo lên, giọng run bần bật:

- Đúng rồi... bò nhà tôi!

Cùng lúc đó, tiếng của bác Ba trưởng xóm nói to:

- Vậy là chúng ở quanh đây thôi.

Có người chợt nói:

- Chúng đang nấp dưới nước!

Chỉ trong chốc lát, cả khúc suối sáng rực ánh đuốc. Tiếng nước bì bõm. Tiếng người gọi nhau dồn dập.

- Có ai thấy không?

Bất ngờ...

Hai bóng người từ dưới mặt nước bật đứng dậy.

- Nó kìa!

Tiếng hét vang lên cùng lúc bầy chó lao tới. Con Mực của tôi từ trên bờ lao mình xuống suối, bơi nhanh về hướng chúng, mấy con khác cũng lao theo, những con còn lại đứng trên bờ sủa ầm ĩ.

Mọi người quay lại hướng chó sủa. Khi đó cuộc rượt đuổi, vây bắt mới bắt đầu.

Hai tên trộm cắm đầu chạy. Chúng băng qua rẫy mía, vượt quốc lộ rồi lao thẳng vào khu hồ cá của nông trường.

Sau lưng là cả xóm. Tiếng hò hét, tiếng chó sủa, tiếng xoong nồi vang động khắp triền đồi.

Khi vào khu hồ nuôi cá của nông trường, một trong số chúng trượt chân rớt xuống hồ. Hắn cố gắng leo lên bờ để chạy tiếp. Nhưng bọn chó đã đuổi kịp, chúng đứng bủa vây, nhe hàm răng sắc nhọn và sủa inh ỏi.

Mấy chú thanh niên trong xóm định dùng rựa, cuốc bổ thì bác Ba trưởng xóm hét to:

- Không được! Giao cho nông trường xử lý. Đánh người là đi tù đấy!

Lúc này mấy chú thanh niên mới hạ gậy gộc xuống. Ông trưởng xóm tự lội xuống hồ cột tay tên trộm lại.

Trong khi đó, tên còn lại lao đến khu lò gạch cách đó một khoảng xa, bị con chó đen lớn nhảy chồm lên cắn vào tay. Tên này vùng vẫy rồi ngã xuống đất. Cả người và chó cùng giãy giụa, bụi bay lên mù mịt.

Tên trộm vơ lấy mảnh gạch, nện liên tiếp xuống lưng con chó. Nó chỉ khẽ rên lên, nhưng vẫn không chịu nhả.

Chỉ chốc sau, mọi người tới kịp, vây tròn kín xung quanh, chĩa mũi dao, mũi cuốc vào tên trộm. Lúc đó con chó mới chịu nhả miệng ra. Tên trộm không còn sức đứng dậy, nằm im để người dân trong xóm trói tay lại.

Giữa đám chó đang quây kín tên trộm, tôi nhận ra con Mực.

Bộ lông đen của nó bê bết bùn đất và máu.

Vừa thấy tôi, nó vẫn cố khẽ vẫy đuôi như mọi ngày.

Tôi chợt thấy sống mũi cay xè.

Tôi vuốt khắp người nó. Không thấy vết thương nào lớn, tôi mới dám thở phào rồi ôm ghì lấy cái đầu xù xì quen thuộc.

Nó vẹo người sang một bên, đứng không vững, bước tới khó nhọc.

Ba tôi rẽ mấy đứa nhỏ đứng xung quanh, rồi bước vào trong gần chỗ con chó. Ba xoa nhẹ đầu nó.

- Không sao đâu. Nó khỏe lại thôi.

Hai tên trộm là người làm thuê từ nơi khác đến. Họ đã bị nộp cho nông trường xử lý.

Tối đó, sau khi bắt trộm xong, tôi về rửa ráy rồi lên giường ngủ một mạch, tôi mơ như có tiếng kẻng đánh. Lúc tôi mở mắt ra đã thấy mặt trời gần ngang ngọn cây trứng cá trước hiên nhà.

Tôi bước xuống giường định đi xem con Mực như thế nào thì thấy nó nằm ngay chân giường. Chân trước nó được quấn mảnh vải trắng. Nó nằm áp mặt xuống sàn nhà, chỉ có cái đuôi vẫy vẫy. Còn con chó Nâu cũng nằm kế bên, liếm liếm vào lưng con Mực.

Sau nhiều năm trôi qua, bây giờ chiếc mâm ô tô ấy chắc đã gỉ sét. Nhưng mỗi lần nhớ về xóm cũ, tôi vẫn nghe như tiếng kẻng năm ấy còn vọng qua những triền đồi.

Tiếng kẻng không chỉ gọi người đi bắt trộm.

Nó gọi cả một xóm nghèo cùng thức dậy để giữ lấy nhau.

Có lẽ vì thế, đó vẫn là âm thanh bình yên nhất trong ký ức tuổi thơ tôi.